TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LV** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2019/DS-ST
Ngày: 29-11-2019
"V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự, vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Văn Trên.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV.

Vào ngày 29/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2019/TLST-DS, ngày 27/6/2019; "V/v tranh chấp hợp đồng dân sự, hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 211/2019/QĐXXST-DS, ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 187/2019/QĐST-DS, ngày 14/11/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th H, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số 316/1, ấp Khánh Nghĩa, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1966, chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1967 và anh Trần Văn L, sinh năm 1985; cùng địa chỉ cư trú: Số 271, ấp Hưng Hòa, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2019, Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị Bùi Thị Th H trình bày:

Theo Bản án sơ thẩm số 40/2015/ST-DS, ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện LV tuyên; Buộc anh Trần Văn Th và chị Trần Thị Nhung trả cho chị Bùi Thị Th H số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/9/2015 là 26.774.500 đồng và 01 chỉ vàng 24kra (9999).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, chị Hằng đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 31/01/2018 anh Th, chị Nh và anh L có làm giấy thỏa thuận với chị Hằng cụ thể từ ngày 15/12/2017(al) đến ngày 30/12/2017(al) anh Th, chị Nh làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn L để anh L đi vay vốn Ngân hàng về trả cho chị Hằng 8.000.000 đồng, số tiền còn lại anh Th, chị Nh và anh L sẽ trả cho chị Hằng mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 30(al) hàng tháng, thời gian bắt đầu trả nợ từ ngày 30/01/2018(al) cho đến khi trả xong nợ theo Bản án.

Từ khi vay tiền đến nay thì anh Th, chị Nh và anh L chỉ trả cho chị Hằng 10.000.000 đồng rồi ngưng.

Nay chị Bùi Thị Th H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn L trả tiền nợ vay vốn 26.774.500 đồng và lãi mỗi năm là 4.000.000 đồng x 03 năm = 12.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 38.774.500 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng. Còn lại 28.774.500 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng) và 01 chỉ vàng 24kra = 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa chị Hằng có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể đối với số tiền lãi và thời gian tính lãi. Bản án xét xử ngày 30/9/2015 đến ngày 29/11/2019 là 50 tháng x lãi suất 0,83%/tháng x 26.774.500 đồng = 11.111.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 37.885.000 đồng – 10.000.000 đồng = 27.885.000 đồng. Nay chị Hằng yêu cầu anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn L trả cho chị số tiền 27.885.000 đồng và 01 chỉ vàng 24kra (9999) = 4.100.000 đồng. Tổng số tiền anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn L trả là 31.985.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị Hằng là biên bản thỏa thuận về việc trả nợ ngày 31/01/2018 giữa chị Hằng và anh Th, chị Nh, anh L; Bản án sơ thẩm số 40/2015/ST-DS, ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện LV.

Anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn L đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến Tòa và cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của chị Hằng thì Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự, hợp đồng vay tài sản". Địa chỉ của bị đơn tại huyện LV, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn L đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn L.

[3] Chị Hằng căn cứ vào biên bản thỏa thuận về việc trả nợ ngày 31/01/2018 giữa chị Hằng và anh Th, chị Nh, anh L; Bản án sơ thẩm số 40/2015/ST-DS, ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện LV để yêu cầu anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn L trả số tiền tổng cộng 31.985.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì ... "Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu….mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh..". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do chị Hằng xuất trình tờ thỏa thuận ngày 31/01/2018 giữa anh Th, chị Nh, anh L với chị Hằng xác định số tiền vốn anh Th, chị Nh, anh L còn nợ chị Hằng 27.885.000 đồng đồng và 01 chỉ vàng 24kra (9999) là có thật, việc chị Hằng yêu cầu anh Th, chị Nh, anh L trả 27.885.000 đồng và 01 chỉ vàng 24kra (9999) qui ra tiền = 4.100.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Buộc anh Th, chị Nh, anh L trả cho chị Hằng tổng số tiền là 31.985.000 đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị Hằng được chấp nhận yêu cầu, nên chị Hằng được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Anh Th, chị Nh, anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466 và 357 Bộ Luật dân sự; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Th H.

Buộc anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn L trả cho chị Bùi Thị Th H tổng số tiền là 31.985.000 đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn L phải chịu 1.599.000 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Chị Bùi Thị Th H được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 816.000 đồng (Tám trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0002806, ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hằng